

BỘ TÀI CHÍNH  
Số: 03/1998/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 8 tháng 1 năm 1998

## THÔNG TƯ

### *Hướng dẫn thu, nộp và quản lý lệ phí về đăng ký và quản lý hộ khẩu*

*Căn cứ Nghị định số 51/CP ngày 10/5/1997 của Chính phủ về việc đăng ký và quản lý hộ khẩu;*

*Căn cứ Quyết định số 276/CT ngày 28/7/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí và Công văn số 1127/KTTH ngày 12/3/1997 của Văn phòng Chính phủ về việc thu phí, lệ phí quản lý Nhà nước về trật tự an toàn xã hội;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí về đăng ký và quản lý hộ khẩu như sau:*

#### I. ĐỐI TƯỢNG NỘP VÀ MỨC THU:

##### 1. Đối tượng nộp:

Tổ chức, cá nhân yêu cầu cơ quan công an giải quyết việc đăng ký và quản lý hộ khẩu theo quy định tại Nghị định 51/CP ngày 10/5/1997 của Chính phủ về việc đăng ký và quản lý hộ khẩu là đối tượng nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

##### 2. Mức thu:

a. Mức thu lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu như sau:

| Số TT | Danh mục lệ phí | Đơn vị tính | Mức thu |
|-------|-----------------|-------------|---------|
| 1     | 2               | 3           | 4       |
|       |                 |             |         |

|   |                                                                                                          |                  |        |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------|
| 1 | Điều chỉnh trong sổ hộ khẩu (hộ khẩu gia đình và hộ khẩu tập thể)                                        |                  |        |
|   | - Đính chính về hộ tịch (họ tên, ngày, tháng, năm sinh....)                                              | đ/lần đính chính | 5.000  |
|   | - Chứng nhận hộ khẩu gốc hoặc hộ khẩu thường trú                                                         | đ/lần chứng nhận | 10.000 |
|   | - Đăng ký hộ khẩu cho trẻ em mới sinh                                                                    | đ/lần đăng ký    | 5.000  |
|   | - Điều chỉnh tạm vắng cho người xuất cảnh từ 12 tháng trở lên                                            | đ/lần điều chỉnh | 15.000 |
| 2 | Đăng ký chuyển đến:                                                                                      |                  |        |
|   | - Chuyển đến không cấp sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể (cả hộ hoặc một người) | đ/lần đăng ký    | 15.000 |
|   | - Chuyển đến, lập hộ mới và được cấp sổ hộ khẩu gia đình (bao gồm cả cấp lại)                            | đ/lần đăng ký    | 20.000 |
|   | - Chuyển đến và được cấp giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể (bao gồm cả cấp lại)                          | đ/lần cấp        | 15.000 |
| 3 | - Cấp sổ đăng ký tạm trú có thời hạn                                                                     | đ/lần cấp        | 15.000 |
|   | - Cấp giấy tạm trú có thời hạn                                                                           | đ/lần cấp        | 10.000 |
|   | - Gia hạn tạm trú                                                                                        | đ/lần gia hạn    | 3.000  |